

HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM
Viet Nam Seed Trade Association - VSTA



Hiệp hội Thương mại
Giống cây trồng Việt Nam

BẢN TIN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Tiếng nói của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam



Website của Hiệp hội: <http://www.vietnamseed.com.vn>

HÀ NỘI - 9/2007

Số 2
2007



BẢN TIN

GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Tiếng nói của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam

Bản tin

GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Người chịu trách nhiệm xuất bản:

NGÔ VĂN GIÁO

Ban biên tập:

NGÔ VĂN GIÁO

TRẦN MẠNH BÁO

LÊ HUNG QUỐC

NGUYỄN THỊ BÌNH

LÊ HỒNG NHU

Địa chỉ Hiệp hội:

Phòng 209, Nhà A2, Số 1B, Bắc Sơn,
Ba Đình, Hà Nội.

ĐT: 04 7345549 * Fax: 04 7340387

Email: lehongnhu1943@yahoo.com

Website:

<http://www.vietnamseed.com.vn>

Giấy phép xuất bản số: 28GP-XBBT do
Cục Báo chí cấp ngày 3/7/2007.

In và thiết kế tại: Công ty Cổ phần in và
thương mại Đông Bắc.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2007

*Ảnh bìa 1: Lễ chuyển giao bản quyền giống lúa BC15
tại Công ty CP giống cây trồng Thái Bình*



*TS. Lê Hưng Quốc, PCT Hiệp hội TM GCT Việt Nam
phát biểu tại lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Chi nhánh
Hà Nội (Công ty CP giống cây trồng Miền Nam)*



*Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt Phạm Đồng Quảng
Chúc mừng tại lễ kỷ niệm.*



*Ông Nguyễn Hồng, nguyên Giám đốc Công ty
chụp ảnh chung với lãnh đạo Công ty và Chi nhánh*



*Giám đốc Công ty CP giống cây trồng Thái Bình
Trần Mạnh Báo phát biểu trong buổi lễ chuyển giao
bản quyền giống lúa Bc15*



Giống lạc 3 nhân TB25 của Công ty CP giống cây trồng Thái Bình



Tác giả Nguyễn Thị Trâm đang kiểm tra giống lúa Hương cốm trên đồng ruộng



CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG THÁI BÌNH THAI BINH SEED JOINT STOCK COMPANY

Phố Quang Trung - TP. Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
Tel: (036) 830560/830613/831519 - Fax: (036) 837639



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG NHẤT

Giới thiệu Giống lúa lý tưởng của Nông Dân Việt Nam

TBR-1



- ✦ Giống lúa **TBR-1** là giống lúa thuần do Công ty CP giống cây trồng Thái Bình chọn tạo, đã được bộ NN&PTNT công nhận chính thức giống quốc gia ngày 08/01/2007.
- ✦ **TBR-1** là giống lúa cao sản (năng suất đạt từ 75 - 100 tạ/ha/vụ), thời gian sinh trưởng ngắn; thích ứng rộng, có thể gieo trồng trên mọi chân đất, mọi thời vụ; cứng cây, chống đổ tốt, đặc biệt là khả năng chống rét ở vụ Xuân, chống bạc lá ở vụ Mùa.
- ✦ **TBR-1** đã được gieo trồng ở từ Nam Trung Bộ đến các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc được bà con nông dân cả nước tin dùng.

MỤC LỤC

1. Chương trình hành động của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam từ năm 2007 - 2010.	2
2. Cạnh tranh lành mạnh trong kinh doanh giống cây trồng.	3
3. Quyết định ban hành tạm thời “Quy chế làm việc của Ban Chấp hành”, “Quy chế hoạt động của Văn phòng” và “Quy chế về Tài chính và tài sản” của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam.	5
4. Giới thiệu Công ty Cổ phần giống cây trồng miền Nam.	6
5. Quy chế làm việc của Ban chấp hành Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam - VSTA.	9
6. Quy chế về tài chính và tài sản của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam.	15
7. Tỉnh Tứ Xuyên: Dẫn đầu ngành công nghiệp hạt giống của Trung Quốc.	25
8. Tin hoạt động của Văn phòng Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam.	28
9. Thẻ hội viên số 613 APSA của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam.	31
10. Giới thiệu Công ty CP giống cây trồng Thái Bình.	32
11. Những xu hướng sẽ làm thay đổi cục diện kinh doanh và yêu cầu người giám đốc công ty trong tương lai.	35



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM TỪ NĂM 2007 - 2010

1. Đổi mới công nghệ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa ngành giống đi trước một bước trong toàn ngành nông nghiệp: Xây dựng ngành công nghiệp giống cây trồng Việt Nam có đẳng cấp, vươn lên ngang tầm khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Phấn đấu trên 80% giống sản xuất phải qua chế biến bằng máy (bao gồm sấy, sàng, phân loại, xử lý, đóng gói...); sản xuất giống theo phương thức bán công nghiệp và công nghiệp: nuôi cấy mô, giâm hom, vườn ươm, sản xuất mạ, bầu giống... công nghiệp, bảo quản kỹ thuật cao, v.v...) để nâng cao chất lượng, phát triển bền vững ngành giống, ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hoá ngành giống. Chỉ có công nghiệp hoá, doanh nghiệp giống mới đi tới thành công.

2. Xây dựng văn hoá thương mại giống cây trồng Việt Nam, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh giống: Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp giống; xây dựng vùng nguyên liệu giống bền vững. Khắc phục các biểu hiện mặt trái của thương mại giống: trốn thuế, nói xấu nhau, tranh mua, tranh bán; làm giả, làm nhái thương hiệu; sử dụng giống kém chất lượng; chối bỏ trách nhiệm với người sử dụng giống; thiếu trung thực trong việc thực hiện quy trình kỹ thuật và công nghệ giống; vi phạm luật sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

3. Phấn đấu nâng cao tỷ lệ phổ cập giống xác nhận, giống sạch bệnh đáp ứng yêu cầu sản xuất: Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đẩy mạnh tiếp thị (Marketing), cung cấp đủ giống và giống tốt, góp phần đảm bảo an ninh lương thực thực phẩm, xoá đói giảm nghèo và khắc phục hậu quả thiên tai, chuyển đổi cơ cấu, sản xuất hàng hoá. Chỉ có giống chất lượng và đủ giống mới làm nên mùa vàng bội thu.

4. Góp phần xây dựng chiến lược giống cây trồng Việt Nam: Tăng cường năng lực cho nghiên cứu chọn tạo giống ưu thế lai, cao sản mới cho các cây trồng thiết yếu, kết hợp công nghệ truyền thống với hiện đại, phát triển kỹ thuật thâm canh cao và tăng vụ phù hợp các vùng sinh thái; góp phần phát triển nền nông nghiệp sinh thái bền vững, bảo đảm an toàn sinh học đối với các giống cây trồng chuyển gen (GMO), bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn gen ...

5. Xây dựng tổ chức và nâng cao trình độ nguồn nhân lực ngành giống cây trồng Việt Nam: Xây dựng chiến lược đào tạo và đẩy mạnh đào tạo huấn luyện kỹ năng chọn tạo giống; phát triển hội viên, từng bước xây dựng các tập đoàn giống, liên minh kinh tế ngành hàng giống mạnh ở các vùng, miền; hướng tới sản xuất giống thay thế nhập khẩu, đẩy mạnh xuất nhập khẩu giống; củng cố phát triển mối quan hệ khuyến nông - doanh nghiệp giống; xây dựng hệ thống khảo nghiệm và phát triển các phòng kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng Việt Nam; góp phần xây dựng quan hệ nghiên cứu - chuyển giao - sản xuất - sử dụng - quản lý giống cây trồng ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn.

CẠNH TRANH LÀNH MẠNH TRONG KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG

Vừa qua Cục Trồng trọt đã có văn bản chỉ đạo sản xuất vụ hè thu, vụ mùa tới các địa phương.

Vụ hè thu, vụ mùa 2007 cả nước có diện tích gieo trồng khoảng trên 4 triệu ha lúa, 1 triệu ha rau, màu và cây lâu năm...

Do thời tiết vụ Đông Xuân 2006-2007 không thuận và dịch bệnh nhiều nên nhu cầu giống cây trồng cho vụ Hè Thu và vụ mùa tăng vọt về số lượng, sớm về thời vụ (phục vụ yêu cầu “nhất thì” để bù năng suất Đông Xuân và tăng vụ) đồng thời đa dạng về chủng loại (đưa nhanh các giống kháng bạc lá ở miền Bắc và vàng lùn, lùn xoắn lá ở miền Nam).

Ưu điểm của các doanh nghiệp giống ở tất cả các miền là đã đáp ứng đủ nhu cầu về giống cây trồng theo hợp đồng. Theo báo cáo của Cục trồng trọt, vụ sản xuất hè thu và vụ mùa năm nay là thuận lợi. Nhiều doanh nghiệp đã phải phục vụ hết cả cơ sở giống dự trữ, dự phòng cho thiên tai. Nhiều doanh nghiệp đã cố gắng điều chuyển giống giữa các vùng miền Nam, miền Trung, miền Bắc phục vụ yêu cầu thời vụ gieo cấy chênh lệch khoảng 15 - 20 ngày giữa các vùng và thời gian ngủ nghỉ sinh lý của hạt giống khoảng 10 - 15 ngày.

Chất lượng hạt giống và bao bì mẫu mã có tiến bộ một bước sau khi Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn ban hành quyết định số 52/2006/QĐ-BNN và quyết định số 53/2006/QĐ-BNN về việc ban hành Quy định chứng nhận chất lượng giống cây trồng phù hợp tiêu chuẩn và Quy định về sản xuất, kinh doanh, sử dụng giống lúa cấp siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận và hạt lai F₁. Dù còn có ý kiến khác nhau nhưng đại bộ phận doanh nghiệp giống đều thống nhất không nên dùng giống siêu nguyên chủng để sản xuất đại trà vì giống đắt hơn nguyên chủng 2 lần, hơn xác nhận 3 lần. Việc sản xuất giống siêu nguyên chủng là để phục vụ nhu cầu nhân giống nguyên chủng và duy trì tốt nhất chất lượng di truyền của giống (độ thuần và độ đúng giống). Việc chấp hành qui trình kỹ thuật sẽ phải được kiểm tra chặt chẽ vì thực tế cho thấy có thể thải loại tới 30% sản lượng siêu nguyên chủng không đạt yêu cầu.

Theo phản ánh của một số địa phương trong sự phát triển thị trường giống còn có mặt trái là có hiện tượng nói xấu nhau, cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa một số công ty giống nơi khác và công ty giống địa phương, hoặc doanh nghiệp giống trong cùng một địa phương (có tỉnh hiện nay có 3 - 4 cơ quan cung ứng giống là Công ty giống, Công ty vật tư nông nghiệp, Trung tâm giống cây trồng...). Hiệp hội Thương mại giống cây trồng cho rằng từ năm 2007 chúng ta phải thay đổi nhận thức và phương pháp sản xuất kinh doanh cho kịp với yêu cầu hội nhập và toàn cầu hóa, trước hết ở thị trường trong nước rồi đến ngoài nước. Các giáo trình kinh tế học hiện đại đều nêu **lý thuyết**



làm giàu phải có tính cộng đồng. Ông cha ta đã tổng kết “Buôn có bạn, bán có phường”. Hà Nội sắp đón chào “1000 năm Thăng Long” mà vẫn tồn tại 36 phố phường cùng sản xuất kinh doanh một mặt hàng và cùng chung sống láng giềng qua hàng thế kỷ đó sao?

Lý thuyết cạnh tranh hiện nay khẳng định 2 triết lý cùng tồn tại song hành: ***triết lý thị trường*** và ***triết lý dân chủ***, trong đó cần thắng trong cạnh tranh và kẻ yếu phải có cơ hội, đồng thời doanh nghiệp phải có tính quốc gia, tính quốc tế để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho nhau trước pháp luật và WTO. Kinh nghiệm của ngành thủy sản, ngành dệt may, da giày, lương thực, chè... vừa qua là một ví dụ.

Việc thương mại hóa các thành tựu khoa học và công nghệ trong, ngoài nước mà ngành giống cây trồng đảm nhận Hiệp hội cho rằng chúng ta phải đặt mục tiêu cao cả là nông dân được hưởng lợi (tăng thu nhập, tạo thêm việc làm, tạo nghề sản xuất giống, nâng cao trình độ nông nghiệp, hiện đại hóa, công nghiệp hóa, khâu giống đi trước một bước). Sau đó là hình thành vùng nguyên liệu rộng, ổn định cho nhà máy chế biến giống để đầu tư kết cấu hạ tầng, kêu gọi đầu tư, cổ phần hóa công ty giống thêm vốn của nông dân làm giống, xây dựng chiến lược sản phẩm và thương hiệu. Tiếp nữa là xây dựng ngành thương mại giống có tổ chức tốt, cung cấp đủ giống và giống tốt cho nông dân, đáp ứng được tiêu chuẩn quốc tế khi xuất khẩu, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác làm giống, phát triển bền vững.

Vi-rút đổ kỵ là loại vi-rút cần phải khắc phục, là điểm yếu của doanh nghiệp Việt Nam nói chung và ngành giống nói riêng. Tuy nhiên, bây giờ đã khác xưa rồi. ***Để sống trong toàn cầu hóa, phải sống trong dàn nhạc giao hưởng.*** Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam đề nghị chương trình hành động của các doanh nghiệp giống cây trồng năm 2007 và các năm sau gồm 3 việc: Liên kết doanh nghiệp; nâng cao tri thức pháp luật và WTO; đổi mới tổ chức và công nghệ.

Tất cả kinh doanh đều có tuổi thọ. Tuy nhiên, lịch sử nông nghiệp đã có hàng vạn năm vẫn khẳng định còn nông nghiệp (bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi thủy sản, lâm nghiệp, vi sinh vật) thì còn thương mại giống. Do vậy, Hiệp hội đề nghị chúng ta phải đồng ý với nhau một nguyên tắc “không đồng ý với nói xấu nhau” thực hiện cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, ***xây dựng văn hóa doanh nghiệp giống***, ứng xử theo tư duy mới, tư duy WTO trong quá trình thế giới đang chuyển từ “tròn” sang “phẳng”.

TS. Lê Hưng Quốc
Phó Chủ tịch - Tổng thư ký
Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam



Số: 02 /QĐ-VSTA

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2007.

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tạm thời “Quy chế làm việc của Ban Chấp hành”,
“Quy chế hoạt động của Văn phòng” và “Quy chế về Tài chính và tài sản”
của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam**

CHỦ TỊCH

HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

- Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP 30/7/2003 của Chính phủ về Quy định tổ chức hoạt động và quản lý Hội;
- Căn cứ Quyết định 268/QĐ-BNV ngày 29/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-BNV, ngày 16/5/2007 phê duyệt nội dung bản Điều lệ Hiệp hội Thương mại Giống cây trồng Việt Nam;
- Căn cứ vào Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Hiệp hội ngày 14 tháng 6 năm 2007;
- Xét đề nghị của Tổng thư ký Hiệp hội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành tạm thời kèm theo Quyết định này “Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Hiệp hội”, “Quy chế hoạt động của Văn phòng Hiệp hội” và “Quy chế về tài chính và tài sản của Hiệp hội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao cho Văn phòng Hiệp hội tiếp tục nghiên cứu các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trình Ban Chấp hành Trung ương Hiệp hội thảo luận, phê chuẩn tại kỳ họp vào tháng 12/2007.

Điều 4. Các Ủy viên Ban chấp hành, Ban kiểm tra và cá nhân có liên quan trong Hiệp hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Các Hội viên
- Lưu VP

HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI
GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH



NGÔ VĂN GIÁO



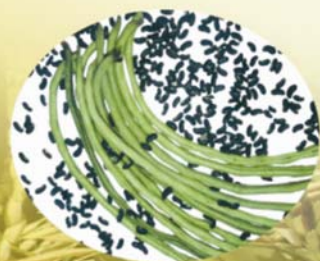
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

282 Lê Văn Sỹ - Q. Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh. ĐT: 08.8444633 - 9906343 *Fax: 08.9906343
CN: 14 Ngõ 489 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên - Hà Nội - ĐT: 04.8774958 - 8274343 *Fax: 04.6500762



CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

- HẠT GIỐNG LÚA, LÚA LAI, BẮP LAI, RAU ĐẬU CÁC LOẠI
- THIẾT BỊ CHẾ BIẾN HẠT GIỐNG, NÔNG SẢN
- VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP CHUYÊN DỤNG



Nhiều Năm Liên Được Bình Chọn
"Bạn Nhà Nông Việt Nam"



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

282 Lê Văn Sỹ - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh * ĐT: 08.8444633 - 9906343 * Fax: 08.9906343
CN: 14 Ngõ 489 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên - Hà Nội * ĐT: 04.8774958 - 8274343 * Fax: 04.6500762

I- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP

- Đầu năm 1976, Công ty giống cây trồng Phía Nam được thành lập.
- Năm 1978 hợp nhất thành Chi nhánh 1 và đến năm 1981 đổi thành Xí nghiệp giống cây trồng I thuộc Công ty giống cây trồng Trung ương.
- Năm 1989 tách ra thành lập Công ty giống cây trồng Trung ương II
- Năm 1993 đổi thành Công ty giống cây trồng Miền Nam.
- Năm 2002: Được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ chuyển đổi thành Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam trong đó 20% vốn điều lệ thuộc về Nhà nước.
- Tháng 3 năm 2005, được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cổ phiếu SSC của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

II- NHỮNG THÀNH TÍCH CHÍNH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Đơn vị Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới.
- Huân chương Lao động hạng nhất.
- Huân chương Lao động hạng 3.
- Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Bằng khen của Bộ Tài chính, Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thương hiệu Bạn nhà nông, Giải Bông lúa vàng về hoạt động cơ khí và về sản xuất kinh doanh.
- Cúp vàng vì Sự nghiệp xanh, Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ về giống dưa An Tiêm 95 và nhiều Huy chương vàng về các giống: Dưa hấu An Tiêm 95, Giống bắp nếp lai MX4 và giống lúa kỹ thuật.
- Thành viên của Hiệp hội giống cây trồng Châu Á - Thái Bình Dương (APSA).

III- CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

- Trạm giống cây trồng Cai Lậy, huyện Cai Lậy, Tiền Giang.
- Trạm giống cây trồng Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.
- Trại giống cây trồng Lâm Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
- Trại giống cây trồng Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh giống cây trồng Hà Nội, Quận Long Biên, Hà Nội.
- Trạm giống cây trồng Tây Nguyên, Thành phố Ban Mê Thuột, Đắk Lắk.
- Nhà máy chế biến hạt giống Củ Chi.
- Nhà máy chế biến giống Hà Nội.

IV- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Nghiên cứu chọn tạo giống

Từ năm 1995, Công ty đã sớm xác định phải thực hiện đủ ba chức năng là Nghiên cứu - Sản xuất-Kinh doanh. Để xúc tiến hoạt động nghiên cứu, ngoài việc thắt chặt quan hệ hợp tác với các viện trường trong nước, Công ty đã tham gia Hiệp hội giống cây trồng Châu Á - Thái Bình Dương, thiết lập quan hệ với Viện nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI), Viện nghiên cứu ngô - lúa mì quốc tế (CYM - MIT), Trung tâm nghiên cứu rau đậu Á Châu...

Chỉ trong 10 năm gần đây, Công ty đã chọn tạo được hơn 70 giống mới đưa vào sản xuất kinh doanh. Điển hình là các giống: Dưa hấu An Tiêm 95, Ngô nếp lai MX2, MX4 và nhiều giống F1 mới như: lúa lai Nam ưu 1, ngô vàng (PAC 759, SSC2095, ngô nếp MX6, MX8, MX10; cà chua (T42, T43, T56); dưa leo (CuC23, CuC39, CuC 134); Khổ qua (BiG14, BiG49)..

2. Sản xuất, chế biến hạt giống

Hàng năm, ngoài diện tích các Trại trực thuộc 450 ha, diện tích vùng nguyên liệu giống đã tới 3.447 ha(2005), tổng khối lượng giống sản xuất lên tới 8.140 tấn (2005). Về chế biến giống: Công ty đã nâng công suất sấy bắp lên cao nhất trong nước. Công suất sấy trái 1.580 tấn trái/mẻ sấy, Công suất sấy hạt: 550 tấn hạt/mẻ sấy, Công suất chế biến: 120 tấn hạt /ngày. Ngoài ra Công ty đã sản xuất và cung ứng hơn 50 hệ thống sấy và chế biến giống, hơn 650 sấy móc đơn lẻ cho các đơn vị giống của các tỉnh. Phòng Kiểm nghiệm hạt giống của Công ty đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là Phòng kiểm nghiệm cấp ngành, hàng năm kiểm tra trên 4.000 mẫu giống.

3. Kinh doanh

Thị trường giống của Công ty đã mở rộng ra địa bàn cả nước, ngoài ra còn xuất khẩu sang Campuchia, Lào và bắt đầu thâm nhập thị trường Trung Quốc và xuất khẩu sản phẩm gia công cho nhiều nước trong khu vực (Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản...). Năm 1995, doanh thu chỉ đạt 19,22 tỷ đồng thì năm 2005 đã đạt 127,9 tỷ đồng, tăng trưởng hàng năm đạt 15,2%. Lợi nhuận trước thuế năm 2005 là 30,076 tỷ đồng, Tỷ suất lợi nhuận đạt 23,51% doanh thu, vốn chủ sở hữu đã tăng lên 106,52 tỷ đồng. Đầu tháng 3/2005 cổ phiếu SSc của Công ty đã được chính thức niêm yết trên thị trường Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với giá 30.800 đ/cổ phiếu thì nay đã tăng lên 50.000 đ/cổ phiếu (22/2/2006). Cổ phiếu SSC của Công ty được xếp trong nhóm 10 cổ phiếu có trị giá cao nhất trên thị trường chứng khoán hiện nay.

4. Đào tạo nguồn nhân lực

Đội ngũ CBCNV của Công ty ngày càng trưởng thành và không ngừng lớn mạnh. Hiện nay Công ty đã có 8 cán bộ trên đại học, 150 đại học chiếm 57,45% trên tổng số 257CBCNV. Công ty đã gửi nhiều cán bộ đi học tập tại nước ngoài về công nghệ hạt giống. Bình quân thu nhập năm 2005 là 4.282.000 đ/người/tháng.

Với những thành tích trong quá trình phát triển, Công ty đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước mà đỉnh cao là: năm 2005 Công ty đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Địa chỉ trang Website của Công ty CP giống cây trồng miền Nam: <http://www.ssc.com.vn>

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM - VSTA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-VSTA
ngày 09/8/2007 của Chủ tịch Hiệp hội)

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

Quy chế này quy định về việc phân công, trách nhiệm, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác giữa các thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm và Tổng Thư ký của Hiệp hội Thương mại Giống cây trồng Việt Nam (trong quy chế này viết tắt là VSTA) để điều hành công việc một cách rõ ràng, cụ thể nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công tác của VSTA, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội VSTA đề ra.

Điều 2: Nguyên tắc làm việc của BCH - VSTA

Ban Chấp hành VSTA làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, trong từng nhiệm kỳ mỗi thành viên của BCH phải tự chịu trách nhiệm về phần việc được BCH phân công.

Điều 3: Sử dụng con dấu

Con dấu của VSTA chỉ được đóng trên chữ ký của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Tổng Thư. Chỉ được sử dụng con dấu của VSTA đóng trên chữ ký của các chức danh khác khi có uỷ quyền bằng văn bản của Chủ tịch Hiệp hội. Giao cho Tổng Thư ký quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

II- QUY TRÌNH LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 4: Cơ cấu BCH

4.1. Ban Chấp hành bầu ra Chủ tịch VSTA và các Phó Chủ tịch VSTA để quản lý hoạt động của VSTA. Các thành viên BCH khác đảm nhận các lĩnh vực công việc do Chủ tịch VSTA phân công và báo cáo với BCH. Các thành viên BCH có thể đồng thời kiêm nhiệm các chức danh khác của VSTA do Chủ tịch bổ nhiệm.

4.2. BCH làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 2 lần/năm và có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề khẩn cấp của VSTA khi cần thiết. Các thông tin về cuộc họp phải gửi cho các thành viên BCH chậm nhất là 7 ngày theo đường bưu điện trước khi tổ chức họp. Trường hợp đột xuất hoặc khẩn cấp, có thể bằng các phương tiện thông tin phổ biến khác, có xác nhận và không hạn định thời gian.

4.3. Các cuộc họp của BCH do Chủ tịch VSTA điều khiển hoặc một Phó Chủ tịch khi được uỷ quyền bằng văn bản của Chủ tịch VSTA và phải có sự hiện diện từ 2/3 tổng số thành viên BCH trở lên mới hợp lệ. Nội dung cuộc họp phải được ghi đầy đủ vào biên bản để lưu giữ tại Văn phòng VSTA.

4.4. Chủ tịch là người trực tiếp, hoặc uỷ quyền cho một Uỷ viên Ban Chấp hành chịu trách nhiệm về phát ngôn thông tin của VSTA.

4.5. BCH có Tổng Thư ký, có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp các thông tin, tài liệu cho thành viên BCH; ghi biên bản các cuộc họp và các vấn đề có liên quan khác của VSTA. Tổng Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và bảo mật của biên bản họp BCH.

Điều 5: Nhiệm vụ quyền hạn của BCH

5.1. Quyết định chiến lược phát triển của VSTA.

5.2. Quyết định kế hoạch, phương án hoạt động hàng năm.

5.3. Quyết định giải pháp phát triển thông qua các hoạt động dịch vụ.

5.4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh do BCH quản lý, quyết định mức lương và phụ cấp cho lao động của Văn phòng VSTA.

5.5. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VSTA, quyết định thành lập các ban chuyên môn, lập chi nhánh, Văn phòng đại diện.

5.6. Trình báo quyết toán tài chính Đại hội toàn thể.

5.7. Kiến nghị quyền và cách sử dụng vốn quỹ theo nghị quyết của Đại hội.

5.8. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu trình Đại hội toàn thể hoặc thực hiện thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội toàn thể VSTA thông qua quyết định.

5.9. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của VSTA, phương án hoạt động.

5.10. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể VSTA.

5.11. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ VSTA và các quy định của pháp luật.

Điều 6: Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch VSTA.

6.1. Chủ tịch VSTA là người đại diện pháp nhân của Hiệp hội trước pháp luật, thay mặt BCH để chỉ đạo thực hiện các nội dung công việc của VSTA theo quy định tại Điều 5 của quy chế này, có các quyền và nhiệm vụ:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của BCH.

- Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp BCH định kỳ hay bất thường.

- Tổ chức việc thông qua hay quyết định của BCH về các vấn đề thuộc thẩm quyền của BCH dưới những hình thức khác.

- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của BCH.



- Chủ tọa Đại hội toàn thể.
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ VSTA.

6.2. Trường hợp Chủ tịch VSTA vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch VSTA có thể uỷ quyền cho Phó Chủ tịch thường trực hoặc 1 Phó Chủ tịch VSTA thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch VSTA. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại chọn ra một người tạm thời giữ chức Chủ tịch VSTA.

6.3. Các quyết định của BCH được thông qua khi được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch VSTA. Tại cuộc họp nếu có vấn đề bàn bạc, thảo luận chưa thống nhất thì các thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình, nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết của BCH.

6.4. Chi phí hoạt động hợp lý của BCH liên quan đến lợi ích VSTA, các chi phí này do Chủ tịch VSTA xác nhận.

Điều 7: Nhiệm vụ quyền hạn của Phó Chủ tịch VSTA

7.1. Phó Chủ tịch thường trực VSTA có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch VSTA phân công; thay mặt Chủ tịch VSTA xử lý công việc trong thời gian Chủ tịch vắng mặt, hoặc khi được Chủ tịch uỷ quyền.

7.2. Các Phó Chủ tịch VSTA có trách nhiệm hoàn thành công việc khi được Chủ tịch phân công theo chức năng của mình, phải chuẩn bị báo cáo, tài liệu liên quan và gửi cho Chủ tịch VSTA để chuẩn bị cho các cuộc họp thường kỳ hoặc đột xuất của BCH và chỉ đạo kịp thời trong công tác được phân công theo dõi.

Điều 8: Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên BCH còn lại

8.1. Các thành viên trong BCH được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác khu vực phải trực tiếp tổng hợp và báo cáo trước các kỳ họp thường kỳ của BCH. Trước khi họp 15 ngày phải gửi báo cáo cho Chủ tịch VSTA. Căn cứ vào báo cáo trên, BCH có ý kiến hoặc ban hành nghị quyết, xem xét tổng hợp cho phù hợp với tình hình chung của VSTA.

8.2. Các thành viên trong BCH theo dõi và tổng hợp việc thực thi nghị quyết, quyết định, quy chế của VSTA đã ban hành để kiến nghị với BCH yêu cầu quán triệt thực hiện nghị quyết hoặc điều chỉnh (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9: Yêu cầu cung cấp thông tin

Thành viên BCH có quyền yêu cầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các cán bộ quản lý khác trong Văn phòng VSTA cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động dịch vụ của VSTA. Thông tin, tài liệu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác theo yêu cầu của thành viên BCH. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá 7 ngày sau khi nhận được yêu cầu. Trường hợp chưa thể cung cấp thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá 15 ngày.



III- QUY TRÌNH LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TỔNG THƯ KÝ

Điều 10: Tổng Thư Ký

Tổng thư ký VSTA do BCH quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Tổng thư ký là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Văn phòng VSTA, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của BCH và Chủ tịch VSTA.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG THƯ KÝ:

- 10.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Văn phòng VSTA.
- 10.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của BCH.
- 10.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của VSTA.
- 10.4. Kiến nghị phương án, bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Văn phòng VSTA.
- 10.5. Đề nghị Chủ tịch VSTA bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Văn phòng VSTA.
- 10.6. Đề nghị Chủ tịch VSTA quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật đối với lao động trong Văn phòng VSTA.
- 10.7. Thay mặt VSTA quản lý toàn bộ tài sản và nguồn lực của VSTA.
- 10.8. Đề nghị Chủ tịch ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động tiền lương, định mức vật tư, chi phí và các định mức khác... theo quy chế quản lý tài chính và hạch toán tài chính của VSTA.
- 10.9. Đề nghị Chủ tịch quyết định việc mua sắm mới, cho thuê, sử lý tài sản thuộc thẩm quyền theo quy chế quản lý tài chính và hạch toán tài chính của VSTA.
- 10.10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ của VSTA và quy định của BCH.

Điều 11: Mối quan hệ giữa Tổng thư ký và BCH

11.1. Tổng thư ký là người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của BCH. Trường hợp khi thực hiện nghị quyết, quyết định của BCH, nếu phát hiện những vấn đề không có lợi cho VSTA thì Tổng Thư ký phải báo cáo với Chủ tịch VSTA để ra quyết định điều chỉnh. Nếu Chủ tịch không điều chỉnh lại thì Tổng thư ký vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước Đại hội toàn thể kỳ gần nhất.

11.2. Tổng thư ký được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của BCH nếu nhận thấy quyết định BCH trái pháp luật, trái quy định của nhà nước thì báo cáo giải trình ngay với BCH và Ban kiểm tra bằng văn bản.

BCH có thể đình chỉ hoặc huỷ bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng thư ký nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của BCH.



11.3. Tổng thư ký có quyền quyết định các vấn đề vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (hoả hoạn, sự cố...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch VSTA và BCH kỳ họp gần nhất biết.

11.2. Tổng thư ký phải giải trình về những tồn tại và biện pháp khắc phục trước BCH, trường hợp xảy ra những vấn đề nghiêm trọng và không có biện pháp tích cực khắc phục thì Chủ tịch VSTA có quyền kiến nghị BCH ra nghị quyết bãi nhiệm hoặc cách chức Tổng thư ký.

IV- QUY TRÌNH LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM TRA

Điều 12: Ban kiểm tra (BKT)

Ban kiểm tra do Đại hội toàn thể bầu ra, chịu trách nhiệm trước Đại hội để kiểm soát việc ban hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế của VSTA; kiểm tra giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng Thư Ký và bộ máy giúp việc của Văn phòng trong hoạt động của VSTA.

Điều 13: Nhiệm vụ quyền hạn của Ban Kiểm tra

13.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;

13.2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của VSTA, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VSTA.

Việc điều tra quy định tại khoản 1 và khoản 2 trong điều này, không được cản trở hoạt động bình thường của BCH, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của Văn phòng VSTA.

13.3. Thường xuyên thông báo với BCH về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của BCH trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội toàn thể.

13.4. Báo cáo với Đại hội toàn thể

- Về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của BCH và Tổng thư ký với các ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm về những đánh giá và kết luận của mình.

- Về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của VSTA.

- Về tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động dịch vụ của VSTA.

- Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của VSTA.

- Được quyền yêu cầu BCH, thành viên BCH, Tổng thư ký và các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của VSTA, trừ trường hợp Đại hội toàn thể có quyết định khác. Ban Kiểm tra, thành viên Ban Kiểm tra không được tiết lộ bí mật của VSTA.

- Khi cần thiết các thành viên trong Ban kiểm tra có quyền tham dự các cuộc họp của BCH, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với



quyết định của BCH, thì Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và trực tiếp báo cáo trước Đại hội toàn thể gần nhất.

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ VSTA.

Điều 14: Cơ chế hoạt động của Ban Kiểm tra

Phải đảm bảo khách quan, trung thực, chấp hành đúng pháp luật, chế độ chính sách nhà nước, Điều lệ của VSTA, nghị quyết của Đại hội toàn thể. Hoạt động của BKT là theo dõi và kiểm soát các thủ tục hành chính, hệ thống sổ sách kế toán, các quỹ, thủ tục thu chi, các báo cáo tài chính của VSTA, thực hiện kiểm soát trước, kiểm soát trong và kiểm soát sau, cụ thể:

14.1. Kiểm soát trước: là tích cực tham gia với BCH, TTK để ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và mang lại hiệu quả cao nhất cho VSTA.

14.2. Kiểm soát trong: Là theo dõi, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế do BCH ban hành và việc thực hiện pháp luật nhà nước. Thông qua kiểm tra, giám sát phát hiện những nội dung không phù hợp của nghị quyết, quyết định, quy chế để trao đổi với BCH biết để đề ra các biện pháp khắc phục.

14.3. Kiểm soát sau: Là kiểm soát các công việc đã phát sinh, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán, tài chính định kỳ và đột xuất hàng quý, hàng năm.

- Kiểm tra các vụ việc theo đơn thư tố giác (nếu có) hay các đề nghị của các thành viên BCH, hội viên, người lao động và khách hàng của VSTA.

Điều 15: Chế độ làm việc

15.1. Trưởng BKT trực tiếp chủ trì kiểm tra, giám sát và có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội toàn thể giao. Mỗi thành viên phải chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo Điều lệ VSTA, chịu trách nhiệm trước Trưởng BKT và trước Đại hội toàn thể.

15.2. BKT làm việc theo chế độ tập thể, sau khi đã tham khảo ý kiến của BCH, BKT có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động nhưng không được họp ít hơn hai lần mỗi năm, cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 thành viên có mặt. Trưởng BKT triệu tập và chủ trì các cuộc họp, trường hợp vắng mặt vì lý do chính đáng, Trưởng BKT uỷ nhiệm cho một thành viên khác trong BKT chủ trì.

15.3. Chi phí hoạt động hợp lý cho BKT được hạch toán vào chi phí quản lý của VSTA, do ban kiểm tra xác nhận và thông qua Chủ tịch VSTA.

Điều 16: Cơ chế kiểm tra, giám sát

Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản và uy tín của VSTA, thì thành viên BKT kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Trưởng BKT. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn thì Trưởng BKT bàn bạc với BCH giải quyết, sau đó có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội toàn thể gần nhất.



QUY CHẾ VỀ TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-VSTA
ngày 09/8/2007 của Chủ tịch Hiệp hội)

I- MỤC ĐÍCH

Căn cứ Điểm 1, Điều 18, Chương IV của Điều lệ Hiệp hội, quy chế về việc tổ chức, quản lý và sử dụng tài chính tài sản của Hiệp hội cần đáp ứng được những yêu cầu sau đây:

- Thu - Chi, quản lý và sử dụng tài chính tài sản của Hiệp hội được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Hiệp hội.
- Đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính tài sản.
- Đáp ứng được yêu cầu giám sát, kiểm tra và kiểm toán.
- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của Hiệp hội.

II- NỘI DUNG

Quy chế về tài chính tài sản của Hiệp hội gồm các nội dung sau:

1. Tài chính, tài sản

1.1. Nguồn thu và các nội dung chi tiêu

1.1.1. Nguồn thu của Hiệp hội: Theo Điều 32 của bản Điều lệ nguồn kinh phí của Hiệp hội gồm có:

- Lệ phí gia nhập Hiệp hội và Hội phí hàng năm của Hội viên.
- Các khoản thu do hoạt động dịch vụ của Hiệp hội và các tổ chức trực thuộc của Hiệp hội.
- Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Các khoản trợ cấp của Nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Nội dung các khoản chi

- Chi phí quản lý, bao gồm:
 - Thuê văn phòng, điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, tiếp khách, v.v...
 - Mua sắm bổ sung hoặc thay thế trang thiết bị hàng năm.
 - Tiền lương cho cán bộ chuyên trách và các khoản gắn với lương như BHXH, BHYT.
 - Phụ cấp của các cán bộ bán chuyên trách.

- Hội nghị hội thảo.
- Chi đi lại, lưu trú, công tác phí.
- Các cuộc họp của Ban chấp hành.
- Hội phí APSA.
- Chi đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, nếu cần.
- Chi khen thưởng.
- Các khoản chi hợp lý khác (Chủ tịch Hiệp hội xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể).

1.2. Thu phí gia nhập Hiệp hội, hội phí hàng năm

<i>Hội viên</i>	<i>Năm 2007 (VND)</i>		
	Phí gia nhập	Hội phí hàng năm	Cộng
1. Hội viên chính thức, hội viên liên kết.	2 triệu	5 triệu	7 triệu
2. Hội viên liên kết.	(Do Ban Chấp hành Hiệp hội quyết định mời, không đóng lệ phí và hội phí).		

Hội viên có thể đóng lệ phí, hội phí bằng hình thức chuyển tiền vào khoản vào tài khoản của Hiệp hội mở tại Ngân hàng, hoặc bằng tiền mặt. Chứng từ giao dịch của Ngân hàng là cơ sở chứng minh hội viên đã nộp đủ lệ phí và hội phí cho Hiệp hội. Trường hợp hội viên nộp lệ phí, hội phí bằng tiền mặt cần làm phiếu thu có đầy đủ chữ ký của người thu, người nộp và người phê duyệt theo đúng quy trình kế toán.

Từ năm thứ hai trở đi, tùy theo tình hình giá cả, số lượng hội viên, kết quả hoạt động và phát triển của Hiệp hội, hội nghị Ban Chấp hành hàng năm có thể xem xét điều chỉnh hợp lý mức thu hội phí.

1.3. Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật

Tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có thể bằng tiền Việt, ngoại tệ, hoặc hàng hóa. Nếu tài trợ là ngoại tệ, trừ trường hợp nhà tài trợ có quy định khác, mọi loại ngoại tệ đều được quy đổi ra tiền Việt Nam áp dụng tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày quy đổi để hạch toán vào tài khoản của Hiệp hội. Nếu tài trợ là hàng hóa hoặc vật chất, trừ trường hợp nhà tài trợ có quy định khác, đều được lập danh mục kiểm kê có ký kết giao - nhận rõ ràng. Giá trị và biện pháp xử lý, hoặc quy đổi từ hàng hóa thành tiền mặt sẽ do Ban Chấp hành họp thường kỳ quyết định.

1.4. Các khoản thu do hoạt động dịch vụ của Hiệp hội và các tổ chức trực thuộc của Hiệp hội

(Do Ban Chấp hành xác định cụ thể từng hoạt động).



2. Quyền hạn và trách nhiệm trong việc tổ chức quản lý, sử dụng tài chính, tài sản:

2.1. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Chấp hành Hiệp hội

- Có nghị quyết cụ thể về chương trình công tác gắn liền với các nội dung thu - chi;
- Cụ thể hóa điểm 2, Điều 32, Chương V trong bản Điều lệ Hiệp hội, về các khoản thu do hoạt động dịch vụ của Hiệp hội và các tổ chức trực thuộc của Hiệp hội, nhằm hướng dẫn hành lang pháp lý cho hoạt động tài chính lâu dài cho Hiệp hội. Trong quá trình thực hiện sẽ từng bước điều chỉnh cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Hiệp hội được luật pháp cho phép.

2.2. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hiệp hội

Chủ tịch Hiệp hội là chủ tài khoản của Hiệp hội mở tại ngân hàng, có thẩm quyền và trách nhiệm:

Quyết định số lượng tài khoản mở tại ngân hàng;

Phê duyệt việc mở hoặc đóng tài khoản của Hiệp hội tại ngân hàng;

Ủy quyền cho các Phó Chủ tịch, hoặc Tổng thư ký duyệt các giao dịch đối với các tài khoản mở tại ngân hàng, nếu Chủ tịch vắng mặt;

Duyệt chi những khoản mua sắm, dịch vụ có giá trị từ 10.000.000 đồng trở xuống;

Phân công quyền hạn cụ thể cho các Phó Chủ tịch và Tổng thư ký trong việc kiểm tra giám sát hoạt động và tài chính của Hiệp hội, nếu thấy cần thiết;

Kiểm tra, kiểm soát nguồn thu - chi của Hiệp hội;

Kiểm tra và kiểm toán các tài khoản Hiệp hội;

Báo cáo Đại hội

2.3. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng thư ký

Duyệt, giám sát các giao dịch về tài chính trong phạm vi được Chủ tịch Hiệp hội ủy quyền;

Duyệt các khoản thu-chi tiền mặt, quản lý tài chính, tài sản do Văn phòng Hiệp hội thực hiện theo ủy quyền của Chủ tịch Hiệp hội;

Kiểm tra và ký duyệt báo cáo tài chính hàng tháng do Kế toán chuẩn bị;

Theo dõi tình hình tài chính của Hiệp hội, kịp thời có khuyến nghị cần thiết giúp Chủ tịch Hiệp hội và Ban Chấp hành xem xét, điều chỉnh hoạt động liên quan đến thu-chi tài chính,

Lập báo cáo tài chính và dự trù kinh phí hoạt động hàng năm trình Ban chấp hành Hiệp hội phê duyệt;

Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm tra tiến hành thuận lợi các hoạt động kiểm tra giám sát các hoạt động thu - chi của Hiệp hội.

2.4. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm tra

Đề xuất các nguyên tắc, quy định cụ thể trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động tài chính, tài sản để Chủ tịch Hiệp hội phê chuẩn thực hiện;



Giúp Chủ tịch Hiệp hội kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng do Văn phòng Hiệp hội lập. Kiểm tra ngẫu nhiên các khoản chi trong tháng.

Tiến hành kiểm toán nội bộ các khoản thu - chi;

Thuê kiểm toán độc lập, nếu thấy cần thiết;

Báo cáo Hội nghị thường niên của Hiệp hội và Đại hội toàn thể Hiệp hội về tình hình thu-chi tài chính của Hiệp hội.

2.5. Chức năng nhiệm vụ của kế toán, thủ quỹ

2.5.1. Nhiệm vụ của kế toán

Tổ chức và duy trì hệ thống kế toán;

Lập dự trù kinh phí chi tiêu hàng tháng trình người có thẩm quyền phê duyệt thu - chi.

Lập và vào sổ sách theo dõi thu - chi tài chính theo đúng nguyên tắc kế toán, có hoá đơn chứng từ hợp pháp, hợp lệ, có chữ ký phê chuẩn của Chủ tài khoản hoặc của những người được Chủ tài khoản uỷ quyền bằng văn bản về việc phê duyệt các khoản thu-chi.

Cập nhật và trình báo cáo tài chính hàng tháng, 6 tháng và hàng năm cho Tổng thư ký và Ban Kiểm tra để tổng hợp báo cáo Ban Chấp hành, hoặc báo cáo Đại hội toàn thể Hiệp hội;

Hỗ trợ Tổng thư ký lập kế hoạch ngân sách;

Sau khi có chữ ký của người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện và ghi sổ kế toán để theo dõi các giao dịch ngân hàng và giao dịch tiền mặt;

Duy trì trên sổ sách số dư tiền mặt tại kết sát theo mức quy định;

2.5.2. Nhiệm vụ của thủ quỹ (nếu có thủ quỹ)

Mở sổ theo dõi thu-chi tiền mặt theo đúng số tiền thể hiện trên từng phiếu thu-chi, có chữ ký của kế toán, đã được người có thẩm quyền phê duyệt.

Hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc bảo đảm an toàn số về tiền mặt quản lý tại kết, theo số dư ghi chép trên sổ sách kế toán.

2.6. Hội viên kiểm tra giám sát hoạt động tài chính của Hiệp hội

Hội viên có quyền kiểm tra tính chính xác, minh bạch trong công tác tổ chức quản lý tài chính, tài sản của Hiệp hội, nếu có nghi ngờ. Đơn đề nghị kiểm tra hoạt động tài chính của Hiệp hội cần gửi tới Ban Chấp hành nêu rõ nội dung, phạm vi kiểm tra để Ban Chấp hành xem xét, chấp thuận. Nếu đơn đề nghị của hội viên được Ban Chấp hành chấp thuận, Văn phòng Hiệp hội, Ban kiểm tra của Hiệp hội cần tạo điều kiện thuận lợi cho Hội viên có đơn đề nghị. Trong quá trình kiểm tra, Hội viên có trách nhiệm bảo vệ nghiêm ngặt những hồ sơ, giấy tờ được cung cấp. Nếu xảy ra mất mát, hư hỏng hồ sơ giấy tờ hoặc vật liệu sử dụng trong quá trình kiểm tra thì Hội viên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. CÔNG TÁC KẾ TOÁN

Hệ thống kế toán của Hiệp hội cần xây dựng một cách phù hợp, đơn giản, dễ thực hiện nhưng phải thỏa mãn được yêu cầu kiểm tra giám sát và kiểm toán hàng năm. Về lâu dài, Hiệp hội cần đầu tư một phần mềm kế toán đơn giản giúp cho công tác quản lý và thực hiện được dễ dàng. Trước mắt, công tác hạch toán kế toán có thể làm trên phần mềm Excel.

3.1. Nguyên tắc hạch toán: Theo điểm 1, Điều 11 của Điều lệ, phương thức hoạt động của Hiệp hội là phi lợi nhuận. Do đó, hệ thống kế toán áp dụng nguyên tắc hạch toán thực thu-thực chi, nghĩa là các chi phí được hạch toán tại thời điểm có giao dịch thanh toán. Hiệp hội không theo dõi các tài khoản về tài sản cố định, kho hàng, chi phí chờ phân bổ, hay các khoản phải thu, phải trả. Hệ thống kế toán của Hiệp hội chỉ bao gồm các tài khoản được thể hiện trong bảng cân đối kế toán, gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tài khoản luân chuyển.

3.2. Tiền tệ, hàng hóa và tỷ giá hối đoái

Theo quy định về nguồn vốn của Hiệp hội. Lệ phí, Hội phí do hội viên đóng góp bằng tiền Việt Nam, tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có thể bằng tiền Việt, ngoại tệ, hoặc hàng hóa. Trường hợp tiền tài trợ tính theo ngoại tệ, mọi giao dịch sẽ được thực hiện theo tỉ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày giao dịch. Nếu tài trợ là hàng hóa, Văn phòng Hiệp hội cần lập biên bản kiểm kê giao nhận rõ ràng giá trị thực và biện pháp xử lý, hoặc quy đổi từ hàng hóa thành tiền mặt sẽ do Ban Chấp hành họp thường kỳ quyết định để hạch toán vào tài sản của Hiệp hội.

3.3. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng Giêng đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3.4. Tài sản cố định và Sổ quản lý tài sản cố định

Theo nguyên tắc hạch toán thực thu thực chi, mọi việc mua hoặc nhận viện trợ tài sản cố định (cả trang thiết bị và đồ gỗ) được tính khấu hao một lần. Tuy nhiên Văn phòng Hiệp hội phải mở Sổ theo dõi thực trạng tài sản cố định và báo cáo định kỳ cho Chủ tịch Hiệp hội.

Những thiết bị mua mới có giá trị từ 500.000 đồng trở lên được coi là tài sản cố định, hạch toán vào các tài khoản đầu tư và ghi tăng trong Sổ tài sản cố định.

Những dụng cụ văn phòng có giá trị dưới 500.000 đồng và các linh kiện nâng cấp sửa chữa máy tính, máy in, máy phô tô được hạch toán vào các tài khoản chi phí hoạt động văn phòng thường xuyên, không coi là tài sản cố định.

Tài sản cố định được kiểm kê mỗi năm hai lần vào tháng Tư và tháng Mười, do kế toán và Tổng thư ký thực hiện. Đợt kiểm kê tài sản vào tháng Mười giúp cho Văn phòng Hiệp hội kiểm tra được thực trạng chất lượng trang thiết bị, có kế hoạch mua sắm bổ sung cho năm tới để trình Chủ tịch Hiệp hội và Hội nghị Ban chấp hành phê duyệt.

Sau khi hết hợp đồng hoặc thôi không kiêm nhiệm công tác cho Hiệp hội nữa, những cá nhân được giao quản lý hoặc trực tiếp sử dụng tài sản phải bàn giao đầy đủ lại cho người có trách nhiệm.



Việc bán hoặc thanh lý tài sản cố định có giá trị gốc từ 500.000 đồng trở xuống do Tổng thư ký quyết định, nếu thanh lý các tài sản có giá trị gốc từ 500.000 đồng trở lên do Ban Chấp hành phê duyệt. Sau khi thanh lý tài sản phải ghi giảm tương ứng trong Sổ tài sản cố định.

3.5. Mở - đóng Tài khoản ngân hàng và chữ ký

Thực hiện theo điểm 2.2 của Quy chế này. Ngoài ra, nếu không trực tiếp ký các văn bản giấy tờ liên quan đến hoạt động tài chính thu - chi của Hiệp hội, Chủ tịch Hiệp hội uỷ quyền bằng văn bản cho người có thẩm quyền ký thay.

3.6. Tạo hệ thống tài khoản

Cần thiết lập hệ thống tài khoản đơn giản phù hợp với các nội dung thu - chi của Hiệp hội.

Mô tả tài khoản:
Tài khoản Thu:
Thu lệ phí, hội phí
Thu do hoạt động dịch vụ
Các khoản tài trợ, trợ cấp của Nhà nước và thu khác (nếu có)
Tài khoản tài chính:
Tài khoản tiền gửi ngân hàng
Tài khoản tiền mặt
Tài khoản chi:
Chi phí quản lý
Chi phí đi lại, lưu trú, công tác phí
Chi hội phí APSA
Chi hội nghị, hội thảo, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, nếu có
Chi khen thưởng
Các khoản chi hợp lý khác

3.7. Một số mẫu biểu cần thiết cho kế toán, thủ quỹ

STT	Tên mẫu biểu
1	Phiếu thu
2	Phiếu chi
3	Sổ quản lý tài sản cố định
4	Giấy phép đi công tác/thanh toán công tác phí
5	Báo cáo tài chính hàng tháng
6	Báo cáo đối chiếu tài khoản ngân hàng
7	Báo cáo kiểm kê tiền mặt tồn quỹ
8	Chữ ký chủ tài khoản/ủy quyền mở tài khoản ngân hàng
9	Báo cáo kiểm kê tài sản cố định
10	Báo cáo cân đối thu-chi hàng năm

3.8. Đánh số chứng từ kế toán

Mọi chứng từ kế toán được đánh số theo thứ tự theo năm tài chính, từ 01 đến số giao dịch cuối cùng trong từng năm tài chính.

3.9. Lưu hồ sơ các chứng từ kế toán

Mọi chứng từ kế toán gốc phải được đánh số và lưu trữ cẩn thận tại Văn phòng Hiệp hội theo quy định của pháp luật. Mọi chứng từ kế toán phải sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kiểm tra, kiểm toán.

3.10. Quản lý tiền mặt**3.10.1. Tài khoản ngân hàng và đối chiếu tài khoản ngân hàng**

Thực hiện theo điểm 2.2, 2.3 và 2.5 của Quy chế này. Cuối mỗi tháng cần so sánh số dư các tài khoản trong hệ thống kế toán của Hiệp hội với số dư trên báo cáo hoạt động tài khoản ngân hàng. Trường hợp số dư khác nhau cần có biểu Đối chiếu ngân hàng và xử lý kịp thời.

3.10.2. Tiền mặt tại quỹ và đối chiếu tiền mặt

Để đảm bảo an toàn, Hiệp hội sẽ mua một két sắt nhỏ và chỉ giữ tiền mặt tối thiểu là 5 triệu đồng và tối đa là 15 triệu đồng tại quỹ tiền mặt của Văn phòng. Các thanh toán có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên bắt buộc phải giao dịch qua tài khoản ngân hàng, hoặc trả bằng séc.

Vào ngày làm việc cuối tháng Kế toán viên cần phối hợp với thủ quỹ để kiểm quỹ và làm báo cáo kiểm kê quỹ tiền mặt, lưu hồ sơ kế toán. Số tiền tồn quỹ phải khớp với số dư trong sổ kế toán theo dõi tiền mặt. Trường hợp không có thủ quỹ, kế toán viên trực tiếp chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt tại két. Vào bất cứ thời điểm nào, số dư tiền mặt trên sổ sách cũng phải phù hợp với số dư tiền mặt giữ trong két. Ban Kiểm tra của Hiệp hội có quyền kiểm tra đột xuất tiền mặt tại két mà không cần thông báo trước.

3.11. Các bước xây dựng hệ thống kế toán

STT	Công việc	Bắt đầu	Kết thúc
1	Mở tài khoản ngân hàng (tuỳ thuộc quyết định của Chủ tài khoản)		
2	Mở sổ theo dõi (trên Excel) để hạch toán các chứng từ kế toán giao dịch với ngân hàng		
3	Xây dựng hệ thống tài khoản		
4	Chủ tịch Hiệp hội duyệt hệ thống tài khoản		
5	Thực hiện		

3.12. Thủ tục kế toán hàng ngày

Mọi chứng từ kế toán cần được ghi chép theo dõi ngay tại thời điểm phát sinh Thu-Chi. Việc mô tả nội dung của từng khoản thu chi cần ngắn gọn, dễ hiểu thể hiện đúng bản chất của thu - chi. Sổ nhật ký chung của tất cả các bút toán trong tháng cần được in và lưu hồ sơ Nhật ký kế toán. Các chứng từ kế toán cần đánh số theo thứ tự từng năm.



Trình tự công tác kế toán gồm các bước ghi trong bảng sau đây:

STT	Công việc
1	Kiểm tra tính chính xác và đề nghị người có thẩm quyền (theo phân cấp) phê duyệt hóa đơn, chứng từ trước khi làm thủ tục kế toán thu - chi.
2	Thực hiện các giao dịch
3	Nhận - trả tiền mặt
4	Vào sổ theo dõi chi tiêu (Excel)
5	Kiểm tra số dư tiền mặt/số dư tiền gửi ngân hàng

3.13. Thanh toán

“Thanh toán” được hiểu là:

Ghi Nợ tài khoản chi tiêu các thanh toán bằng tiền mặt/séc.

Nhân viên kế toán là người được Chủ tịch Hiệp hội bổ nhiệm chính thức, chịu trách nhiệm lập Phiếu thu - chi sau khi chứng từ hoá đơn đã được người có thẩm quyền của Hiệp hội phê duyệt.

Ủy quyền phê duyệt thu - chi.

Những khoản chi có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên do Chủ tịch Hiệp hội trực tiếp ký duyệt chi.

Chủ tịch Hiệp hội có thể ủy quyền cho Tổng thư ký ký duyệt những khoản chi có giá trị dưới 10 triệu đồng.

Ủy viên Ban Chấp hành, cán bộ Văn phòng Hiệp hội, hoặc hội viên cần đi công tác cho Hiệp hội cần có kế hoạch cụ thể, được phê duyệt trước khi đi và được trang trải các khoản chi tiêu theo quy định của Hiệp hội. Hiệp hội không thanh toán mọi chi tiêu cá nhân diễn ra trong quá trình công tác. Quyền hạn phê duyệt do Ban chấp hành quy định.

Mọi thanh toán cần có chứng từ được ký đầy đủ:

1. Giấy tờ chứng minh rõ yêu cầu/nguồn gốc của khoản chi
2. Đơn đặt hàng (áp dụng đối với những mua sắm, sử dụng dịch vụ).
3. Hoá đơn, chứng từ hợp lệ.
4. Lập phiếu chi

3.14. Nhận tiền mặt

Khi nhận được tiền từ các nguồn vốn của Hiệp hội, kế toán viên viết phiếu thu, có đầy đủ chữ ký của người giao, người nhận và người có thẩm quyền duyệt thu-chi. Trong một số trường hợp phiếu thu có thể cần hai liên: liên 1 giao cho người nộp tiền và liên 2 lưu trong hệ thống kế toán. Trường hợp chuyển tiền qua ngân hàng có thể không cần chuyển phiếu thu cho bên chuyển tiền nhưng vẫn cần viết phiếu thu để lưu trữ.



Khi liên 2 phiếu thu được sử dụng như một chứng từ cần được đánh số, ghi rõ số tài khoản và phải được vào sổ kế toán.

3.15. Bảng lương, phụ cấp

Tiền lương và phụ cấp được trả mỗi tháng một lần vào cuối mỗi tháng. Kế toán viên chuẩn bị bảng lương để người có thẩm quyền phê duyệt. Bảng lương, phụ cấp phải ghi rõ số tiền lương của từng người theo quy định và tất cả các khoản khấu trừ (như thuế thu nhập, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế - nếu có).

3.16. Báo cáo tháng

Các bước trong Thủ tục báo cáo tháng như sau:

STT	Công việc
1	In Bảng cân đối số dư tài khoản ngân hàng
2	In Bảng cân đối số dư quỹ tiền mặt
3	Lấy báo cáo hoạt động tài khoản ngân hàng vào ngày cuối tháng
4	In báo cáo kiểm kê quỹ tiền mặt để lưu vào hồ sơ kế toán hàng tháng
5	Đối chiếu tài khoản ngân hàng nếu có chênh lệch giữa báo cáo hoạt động tài khoản ngân hàng cần liên hệ xử lý kịp thời
6	Báo cáo thuế thu nhập, bảo hiểm, theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

4. Kiểm toán

4.1. Kiểm toán nội bộ

Theo quy định tại điểm 2.4 của Quy chế này, Ban Kiểm tra có quyền kiểm toán nội bộ tất cả các hoạt động chi tiêu sử dụng nguồn tài chính tài sản của Hiệp hội. Mục đích của kiểm toán nội bộ nhằm:

1. Khẳng định việc chấp hành Điều lệ và Nghị quyết của Ban Chấp hành, nghị quyết của đại hội. Tài chính, tài sản của Hiệp hội được sử dụng đúng mục đích nói trên.

2. Mọi giao dịch được duyệt, thu - chi đúng nguyên tắc, được ghi chép chính xác số tiền, thời gian và tài khoản.

3. Kịp thời chấn chỉnh những sai sót trong hoạt động của Hiệp hội nói chung và công tác quản lý tài chính, tài sản nói riêng.

Kiểm toán nội bộ được thực hiện 01 tháng trước khi kết thúc năm tài chính.

4.2. Kiểm toán độc lập

Nếu thấy cần thiết, Ban kiểm tra có quyền kiến nghị thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc quản lý tài sản, tài chính của Hiệp hội.



5. Thay đổi nhân sự

5.1. Khi có sự thay đổi về nhân sự, những người có liên quan đến việc quản lý tài sản, tài chính của Hiệp hội, có quyền hạn và trách nhiệm, hoặc được ủy quyền ký các giao dịch ngân hàng, thu-chi tài chính, cần tuân thủ các bước sau đây:

- Người rời nhiệm sở (hoặc thay đổi công tác) phải chính thức thông báo cho Văn phòng Hiệp hội, hoặc Ban chấp hành biết trước ít nhất là 45 ngày trước khi thôi công tác.

- Chủ tịch, hoặc Ban Chấp hành Hiệp hội cần tìm người thay thế, làm các thủ tục chấm dứt hiệu lực pháp lý trong giao dịch tài khoản ngân hàng và hiệu lực quyền hạn duyệt các khoản thu - chi.

- 10 ngày trước khi rời nhiệm sở, người cũ có trách nhiệm hướng dẫn và bàn giao đầy đủ công việc, tài chính và tài sản cho người thay thế. Việc bàn giao cần có biên bản ký kết từng nội dung giữa người giao - người nhận.

- Trường hợp chưa có người kế nhiệm, Chủ tịch hoặc Ban chấp hành Hiệp hội cần chỉ định người thay thế tạm thời. Mọi thủ tục giao - nhận được tiến hành theo đúng trình tự trên đây.

5.2. Đối với kế toán, biên bản bàn giao công việc phải bao gồm những nội dung như sau:

1. Các tài khoản cùng Sổ nhật ký chung;
2. Các tài khoản cùng với Bảng cân đối tài chính;
3. Số dư tài khoản ngân hàng cùng Báo cáo hoạt động tài khoản ngân hàng;
4. Số dư tiền mặt cùng biên bản kiểm quỹ;
5. Sổ séc cùng các chi tiết số các séc đã sử dụng và chưa sử dụng;
6. Các chứng từ kế toán đến ngày bàn giao;
7. Các báo cáo tài chính tháng/năm đến thời điểm bàn giao;
8. Dữ liệu lưu trong phần mềm kế toán/hoặc phần mềm Excel, đến thời điểm bàn giao.

5.3. Bàn giao tài sản

Những người được giao quản lý sử dụng tài sản của Hiệp hội, bất kể giữ cương vị nào, khi thôi không làm việc cho Hiệp hội nữa đều phải trao trả đầy đủ tài sản cho Văn phòng Hiệp hội. Việc giao - nhận phải có biên bản bàn giao nêu rõ số lượng, tình trạng tài sản tại thời điểm bàn giao.

Tổng thư ký có trách nhiệm đôn đốc nhắc nhở, hoặc áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn về tài chính và tài sản cho Hiệp hội.



TỈNH TỨ XUYÊN: DẪN ĐẦU NGÀNH CÔNG NGHIỆP HẠT GIỐNG CỦA TRUNG QUỐC

Là tỉnh nằm ở miền tây Trung Quốc, giàu tài nguyên thiên nhiên, đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa Tứ Xuyên được xem như nơi có “bờ xôi ruộng mật”. Tỉnh có 4,28 triệu héc-ta đất canh tác, bao gồm 2,27 triệu héc-ta đất trồng lúa nước và 2,01 triệu héc-ta đất khô cằn. Diện tích đất hoang có thể sử dụng vào khoảng 3,33 triệu héc-ta. Dân số làm nông nghiệp của tỉnh là 68 triệu người, trong đó có 38 triệu người là lực lượng lao động ở nông thôn. Có 42,5 nghìn cán bộ kỹ thuật nông nghiệp.

Là vựa lúa của miền Tây Trung Quốc, Tứ Xuyên là tỉnh quan trọng về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp của đất nước. Lúa, lúa mì, ngô và khoai lang là bốn cây trồng chính của tỉnh. Các cây trồng thu hoa lợi gồm có bông, cây có dầu, mía, cây ăn quả, chè, các loại rau và hoa, thuốc lá, cây có sợi, dâu nuôi tằm và các loài thảo dược. Rõ ràng, hạt giống là mặt hàng đặc biệt có tính chất sống còn. Hạt giống khỏe là nền tảng và thiết yếu để gia tăng sản lượng nông nghiệp.

Chính quyền tỉnh Tứ Xuyên hỗ trợ rất đặc lực cho ngành công nghiệp giống cây trồng địa phương thông qua việc hoàn thiện các chính sách, trợ giúp về tài chính và đầu tư. Nhờ vậy, trong hai thập niên vừa qua ngành công nghiệp giống cây trồng của Tứ Xuyên phát triển rất ấn tượng.

Cơ sở hạ tầng, phương tiện nghiên cứu và lai tạo

Hiện nay, Tứ Xuyên có hệ thống kho hàng với 13 dây chuyền thiết bị sản xuất, chế biến hạt giống hoàn chỉnh, và hơn 15.000 bộ dụng cụ và thiết bị khác nhau để kiểm nghiệm và chế biến hạt giống. Tổng giá trị các tài sản nói trên đạt trên 500 triệu ND tệ (trên 60 triệu đô-la Mỹ). Các khoản đầu tư nước ngoài cũng chiếm trị giá khoảng 5 triệu đô-la Mỹ. Tỉnh cũng có một Trung tâm kiểm nghiệm chất lượng hạt giống, một Ngân hàng giống cây trồng quốc doanh cấp quốc gia, và năm Trại thí nghiệm quốc doanh cấp địa phương.

Với thế mạnh đáng kể trong nghiên cứu và lai tạo, Tứ Xuyên có vị thế tốt hơn trong số các tỉnh của Trung Quốc về việc lai tạo giống lúa lai ba dòng. Trong các năm 1996 - 2000, 240 giống của tỉnh đã được công nhận bởi cấp quốc gia và cấp tỉnh, bao gồm 54 giống siêu cao sản và 18 giống chất lượng cao sử dụng cho các mục đích đặc biệt. Từ năm 2001, hàng năm tỉnh công nhận hơn 100 giống mới.

Giống cây trồng mới được lai tạo ở Tứ Xuyên chiếm tỷ lệ cao. Trong đó, lúa là (96%), ngô (86%), cải dầu (85%), bông (100%) và khoai lang (60%). Đối với lúa lai chủ yếu là các giống Cương ưu, D.ưu và K.ưu. Đối với ngô, chủ yếu là các giống Xuyên đơn, Thành đơn và Ya ưu, trong khi đó tỉnh có các giống nho lai chủ yếu như Xuyên ưu, Rong ưu, Shuza và Mian ưu. Một hệ thống quy

chế thải loại được áp dụng để loại trừ những giống cây trồng đã thoái hoá không duy trì được năng suất và bộc lộ rõ nhược điểm.

Sản xuất hạt giống chất lượng cao

Mỗi năm, diện tích 716.700 héc ta ruộng nhân giống của Tứ Xuyên sản xuất ra 150.000 tấn hạt giống. Diện tích rộng lớn, gồm nhiều cơ sở sản xuất ngô lai và lúa lai cấp quốc gia và cấp tỉnh, trải rộng trên 40 địa khu trong tỉnh. Với diện tích sản xuất khoảng 26,7 đến 30 nghìn héc-ta, Tứ Xuyên chiếm 25% trên tổng sản lượng lúa lai thường xuyên trên toàn quốc. Tỉnh sản xuất 75 - 80 nghìn tấn hạt giống lúa lai. Với diện tích sản xuất giống ngô từ 13,4 đến 16,7 nghìn héc-ta, Tứ Xuyên sản xuất khoảng 35 - 40 nghìn tấn hạt giống ngô lai. Xuyên Trung là giống lúa lai nổi tiếng nhất của tỉnh và bán rất chạy trên thị trường. Hàng năm tỉnh bán khoảng 40 - 50 nghìn tấn hạt giống Xuyên Trung cho khách hàng của 350 địa khu thuộc 15 tỉnh. Ngoài ra, tỉnh còn xuất khẩu được 12 nghìn tấn hạt giống sang Đông Nam Á, Nam Mỹ và Châu Phi.

Các doanh nghiệp giống cây trồng

Hiện nay Tứ Xuyên có 197 doanh nghiệp giống cây trồng, trong đó có 90% là doanh nghiệp tư nhân hoặc cổ phần hóa, 11 doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh cấp quốc gia do Bộ Nông nghiệp cấp, trong khi đó có 13 doanh nghiệp có giấy phép xuất nhập khẩu. Tỉnh có 5 doanh nghiệp giống cây trồng hàng đầu trong số 50 công ty lớn nhất của cả nước. 87 công ty có giống cây trồng riêng và 100 công ty có giống cây trồng được cấp giấy phép. Tổng trị giá tài sản của các doanh nghiệp này ở Tứ Xuyên lên tới 1,8 tỷ ND tệ (tương đương 217 triệu đô la Mỹ), chiếm 10,9% tổng trị giá của ngành công nghiệp giống cây trồng trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Tỉnh có tổng doanh thu hàng năm về giống cây trồng đạt 2,4 tỷ ND tệ (tương đương 289 triệu đô la Mỹ) chiếm khoảng 12% tổng doanh thu về giống cây trồng trong cả nước.

Luật pháp và quy chế

Từ năm 1983 tới nay chính quyền Tứ Xuyên đã ban hành hàng loạt văn bản dưới luật và các quy định như sau:

- Quy chế của tỉnh Tứ Xuyên trong quản lý hành chính về giống cây trồng.
- Quy chế của tỉnh Tứ Xuyên về quản lý khảo nghiệm và sản xuất thử cấp vùng đối với các giống cây trồng.
- Quy chế của tỉnh Tứ Xuyên về công nhận giống cây trồng.
- Quy định của tỉnh Tứ Xuyên về việc thực hiện công tác quản lý ba văn bản then chốt về giống cây trồng: giấy phép sản xuất hạt giống, giấy phép kinh doanh hạt giống và giấy chứng nhận chất lượng hạt giống.



Sự ra đời Bộ Luật giống cây trồng của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2001 đã thúc đẩy các nhà làm luật của tỉnh xúc tiến bổ sung sửa đổi các quy chế và quy định trên đây một cách tương thích. Với quan điểm giải quyết các vấn đề trong sản xuất, kinh doanh, quản lý hành chính về giống cây trồng, và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp về các nội dung có liên quan, họ đã ban hành được các văn bản quy định như sau:

- Thông cáo quy chế tạm thời của tỉnh Tứ Xuyên về xác định giới hạn địa bàn của giấy phép kinh doanh giống cây trồng.
- Thông cáo về việc cấp giấy phép sản xuất và kinh doanh giống cây trồng năm 2001.
- Thông cáo những vấn đề liên quan đến việc phổ biến giống cây trồng chính.
- Thông cáo về việc tăng cường quản lý hành chính đối với giống cây trồng.

Ủy ban thường trực Đại hội đồng nhân dân tỉnh Tứ Xuyên phê chuẩn Quy chế của tỉnh Tứ Xuyên về Quản lý hành chính đối với giống cây trồng (sửa đổi) năm 2006 nhằm tăng cường công tác quản lý hành chính về giống cây trồng trong tỉnh.

Mậu dịch quốc tế

Nhờ sự nổi tiếng của giống Xuyên Trung và việc tiếp tục thực hiện chiến lược “mở mang ra bên ngoài” của các doanh nghiệp hàng đầu, việc bán hạt giống lúa lai đã và đang tăng lên cả ở trong và ngoài nước. Khối lượng bán sang Đông Nam Á, Nam Mỹ và Châu Phi đạt trên 12.000 tấn... đã làm tăng sản lượng ở các nước nhập khẩu.

Trong khi đó, với giá nhân công thấp và khí hậu đa dạng là nơi lý tưởng cho sự sinh trưởng của nhiều loại cây trồng, giống rau và giống hoa, Tứ Xuyên đang tiếp tục phát triển ngành công nghiệp giống của mình bằng cách thu hút thêm nhiều doanh nghiệp giống cây trồng nước ngoài, có sự chú trọng đặc biệt tới các công ty của khu vực Châu Á Thái Bình Dương, để thành lập các công ty hoàn toàn vốn nước ngoài, liên doanh, hoặc cổ phần trong khu vực. Các công ty nước ngoài này được phép giới thiệu các giống cây trồng mới, công nghệ mới, trang thiết bị tối tân và phương pháp quản lý hiện đại. Tỉnh mời gọi bằng các hình thức như quan hệ mật dịch, trao đổi hợp tác về kỹ thuật, hoặc cùng nỗ lực cộng tác để tăng cường hiệu quả hoạt động của ngành công nghiệp giống cây trồng trong khu vực.

(Nguồn: Hội Giống cây trồng Tứ Xuyên)



TIN HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

1. Ngày 20 tháng 7 năm 2007 Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam họp với Cục Trồng trọt, Cục Lâm nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Văn phòng Bộ, Ban tổ chức Hội chợ triển lãm Agro 2007 thống nhất tôn vinh các doanh nghiệp giống cây trồng, đề cử xét thưởng “Cúp vàng Nông nghiệp” cho các giống cây trồng sau đây:

- Lúa lai:

+ Giống TH3-3: Bà Nguyễn Thị Trâm, Viện Sinh học nông nghiệp thuộc Trường Đại học nông nghiệp I.

+ Giống VL20: Ông Nguyễn Văn Hoan và Công ty CP Dịch vụ nông nghiệp kỹ thuật cao Hải Phòng.

+ Giống Arize B-TE1: Công ty Bayer Crop Science Ấn Độ.

- Lúa chống chịu sâu bệnh:

+ Giống OM 4498: Viện lúa đồng bằng sông Cửu long.

+ Giống OM 3536: Ông Nguyễn Văn Loãn và cộng tác viên.

- Ngô lai:

+ Giống MX 4: Công ty CP giống cây trồng Miền Nam.

+ Giống LVN 4: Viện Nghiên cứu Ngô.

+ Giống DK 414 (Dekalb 414): Công ty Monsanto.

+ Giống NK 54: Công ty Sygenta.

- Cây lâm nghiệp:

+ Giống Bạch đàn lai (Thế hệ mới): Viện Khoa học Lâm nghiệp.

+ Giống Keo lai: (Thế hệ mới): Viện Khoa học Lâm nghiệp.

+ Giống Dẻ (ghép): Xí nghiệp giống Lâm nghiệp Đông Bắc.

+ Giống Hổi (ghép) : Xí nghiệp giống Lâm nghiệp Đông Bắc.

Các đơn vị, cá nhân có giống nêu trên nếu có nhu cầu xét thưởng Cúp vàng nông nghiệp đề nghị đăng ký với Ban tổ chức kịp thời gian, đúng quy định.

2. Xây dựng Dự thảo Chương trình hành động của VSTA và Chương trình, nội dung các kỳ họp Ban chấp hành nhiệm kỳ 2007 - 2010 xin ý kiến các thành viên BCHHH.



3. Hoàn thiện các Quy chế của Hiệp hội theo Nghị quyết cuộc họp Ban Chấp hành ngày 14.6.2007trình Chủ tịch Hiệp hội ký.

4. Liên hệ với các đơn vị liên quan đề xuất tham gia các Chương trình, Dự án bao gồm:

- Đề xuất với Cục Trồng trọt tham gia Dự án “Tăng cường năng lực quản lý giống cây trồng” thuộc Chương trình Giống giai đoạn 2006 - 2010.

- Đề nghị với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tham gia Chương trình Khuyến nông 2007 - 2008.

- Đề nghị với Dự án Khoai tây Việt Đức tham gia giai đoạn 2 của Dự án.

- Đề nghị với Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Thương mại) tham gia Chương trình Xúc tiến thương mại 2008.

- Đề nghị với Viện Năng lượng tham gia Dự án đào tạo nông nghiệp hữu cơ ở Tây nguyên.

5. Làm việc về các Hợp đồng hợp tác hỗ trợ chuyển giao Tiến bộ kỹ thuật với Công ty Cổ phần nông nghiệp Hữu cơ, Công ty CP giống cây trồng Miền Bắc, Chi nhánh Công ty CP giống cây trồng Miền Nam tại Hà Nội, Công ty TNHH phát triển công nghệ Tấn Phát.

6. Gửi thư mời tham gia Hiệp hội đến gần 200 đơn vị, cá nhân.

7. Đặt quan hệ với Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Trung Quốc, Hiệp hội TMGCT Tứ Xuyên, Trung Quốc.

8. Mời các doanh nghiệp tham gia Hội chợ CIMEF vào tháng 9/2007 tại Quảng Châu Trung Quốc và mời các Doanh nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm Agro Việt 2007.

9. Đề xuất với Cục Trồng trọt tổ chức Hội thảo “Mối quan hệ giữa Trung tâm giống và Công ty giống cây trồng ở địa phương”.

10. Triển khai xây dựng Mẫu thẻ Hội viên, Mẫu Logo chính thức của Hiệp hội.

11. In Bản tin đặc biệt của Hiệp hội 500 bản.

12. Tham gia Đại hội cổ đông bất thường của Công ty CP giống cây trồng Hà Tây, bàn lộ trình sáp nhập với Công ty CP giống cây trồng Miền Nam (SSC). Đến ngày 30/7/2007, SSC đã ký kết Hợp đồng và chuyển tiền mua 51% cổ phần của Công ty CP giống cây trồng Hà Tây. Ngày 22/9 đã bầu bổ sung 2 thành viên vào HĐQT Công ty CPgiống cây trồng Hà Tây.

13. Sưu tầm, xây dựng tủ sách của Văn phòng Hiệp hội. Hiện nay đã sưu tầm được khoảng 200 đầu sách, nội dung là các ấn phẩm về khoa học công nghệ, văn bản pháp qui, tài liệu huấn luyện về sản xuất giống nông hộ....

14. Đã làm việc với doanh nghiệp Trung Quốc bố trí mời Đoàn cán bộ Việt Nam sang thăm lúa ở Tứ Xuyên, làm việc với Viện Khoa học nông nghiệp Tứ Xuyên từ 9/9 đến 15/9/2007 gồm Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam, Cục Trồng trọt, Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, phân bón và chất lượng sản phẩm trồng trọt, Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Bắc....



15. Chuẩn bị tổ chức 3 lớp tập huấn doanh nghiệp giống ở 3 miền với nội dung:

- Cam kết hội nhập WTO và Luật sở hữu trí tuệ
- Các văn bản mới về quản lý giống cây trồng
- Về điều lệ, qui chế Hiệp hội Thương mại giống cây trồng

Đối tượng: Các thành viên VSTA

Thời gian: Lớp miền Bắc: Cuối tháng 9

Lớp miền Trung: Tháng 10

Lớp miền Nam: Tháng 11 năm 2007

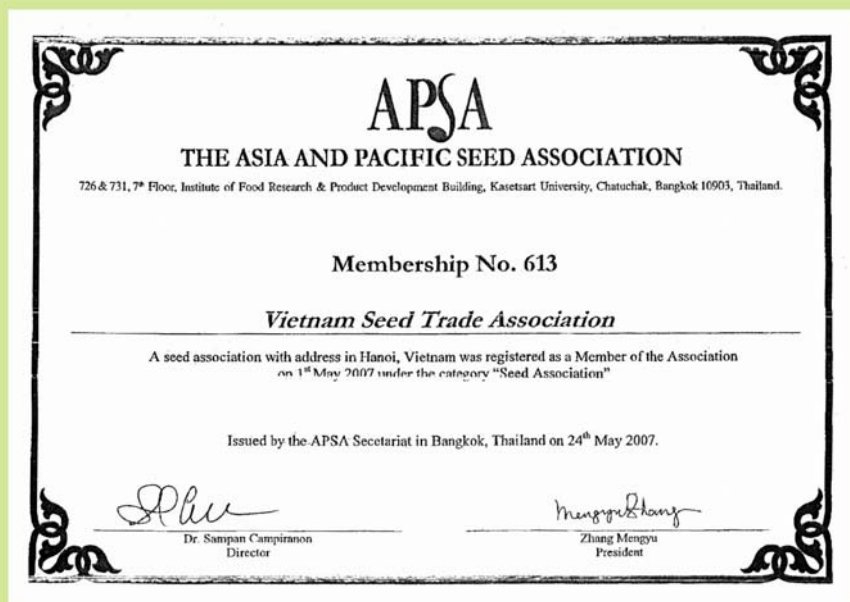
16. Chuẩn bị in Bản tin số 2 của Hiệp hội. Dự kiến phát hành cuối tháng 9/2007 phục vụ lớp tập huấn miền Bắc.

17. Cùng với Công ty TNHH nông nghiệp hữu cơ bàn thành lập Công ty cổ phần nông nghiệp hữu cơ đầu tiên với mục tiêu xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam, đi từ khâu giống, phân bón, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm nông sản an toàn, hữu cơ.

18. Bàn với dự án Khoai tây Việt Đức hỗ trợ Văn phòng Hiệp hội xây dựng mô hình 10 héc-ta sản xuất giống khoai tây ở miền núi (Lạng Sơn).



**Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam được công nhận là thành viên thứ 613
của Hiệp hội giống cây trồng Châu Á - Thái Bình Dương APSA**



(Dịch văn bản của APSA)

APSA

HIỆP HỘI GIỐNG CÂY TRỒNG CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Phòng 726 và 731, Tầng 7, Viện Nghiên cứu Phát triển sản phẩm lương thực, Đại học Kasetsart,
Chatuchak, Băng Cốc 10903, Thái Lan

Hội viên số 613

Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam

Địa chỉ tại Hà Nội, Việt Nam, đã được công nhận là Hội viên của APSA
Ngày 01 tháng 5 năm 2007, thuộc thành phần hội viên "Hiệp hội giống cây trồng"

Văn bản này do Văn phòng APSA tại Băng Cốc, Thái Lan cấp ngày 24 tháng 5 năm 2007.

(Đã ký)
Tiến sĩ Sampan Campiranon - Giám đốc

(Đã ký)
Zhang Mengyu - Chủ tịch



ISO 9001: 2000
ISO/IEC 17025:2005

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG THÁI BÌNH

Phố Quang Trung - TP. Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
Tel: (036) 830560/830613/831519 - Fax: (036) 837639



ISO 9001:2000
VINA UN

TBR-1

Giống lúa
lý tưởng của
Nông Dân
Việt Nam



Giống lúa TBR-1 do Công ty CP giống cây trồng Thái Bình chọn tạo, đã được Bộ NN&PTNT công nhận đưa vào sản xuất từ vụ xuân 2006.

TBR-1 là giống lúa thuần năng suất cao, thích ứng rộng, có khả năng chống chịu tốt, đặc biệt là khả năng chống bệnh bạc lá tốt hơn hẳn giống lúa Q5 và các giống lúa lai ở vụ mùa. Vì vậy TBR-1 có thể thay thế các giống lúa nêu trên.

TBR-1 đã được gieo trồng thử nghiệm từ Nam Trung Bộ đến các tỉnh phía Bắc, được bà con nông dân rất tin nhiệm và tin dùng.

Hiện nay ở Thái Bình, TBR-1 đã thay thế toàn bộ giống Q5 và đang được thay thế các giống lúa lai hệ Bắc Ưu ở vụ mùa.

I. GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần giống cây trồng Thái Bình**

Thai binh Seed joint stock company (TSC)

- Địa chỉ: Phố Quang Trung, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

- Điện thoại: 036.830.613

- Fax: 036.837.639

- E-mai: seeds-co@hn.vnn.vn

- Website www.thaibinhseed.com.vn

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

1. Nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn lọc, làm thuần, phục tráng các loại giống cây trồng;
2. Sản xuất các loại giống cây trồng: Siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận, tiến bộ kỹ thuật, giống lai F1, giống bố mẹ và giống đầu dòng;
3. Mua bán lương thực;
4. Mua bán nông sản;
5. Mua bán vật tư nông nghiệp;
6. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe tải;

32

7. Cho thuê văn phòng, hội trường, phòng cưới;
8. Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
9. Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
10. Mua bán đồ dùng gia dụng;
11. Mua bán đồ giải trí gia đình và đồ điện gia dụng;
12. Đại lý kinh doanh xăng dầu
13. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thuỷ lợi.

III. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty CP giống cây trồng Thái Bình được thành lập ngày 10/01/1972. Với tên gọi Công ty giống lúa Thái Bình, đến năm 2004 chuyển thành **CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG THÁI BÌNH**.

- Hiện nay Công ty có 4 xí nghiệp trực thuộc, một Trung tâm nghiên cứu và một Nhà máy chế biến hạt giống chất lượng cao với công suất 5.000 - 6000 tấn/ năm, Phòng thử nghiệm Quốc gia mã số VILAS 110.

- Công ty có đội ngũ chuyên gia kỹ sư lành nghề được đào tạo trong và ngoài nước, giàu kinh nghiệm trong việc nghiên cứu chọn tạo và tổ chức sản xuất, kinh doanh giống cây trồng. Với thương hiệu nổi tiếng đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ sớm nhất trong ngành giống cây trồng Việt Nam. Hệ thống kênh phân phối rộng khắp trong cả nước, hàng năm cung ứng ra thị trường 6.000 – 7.000 tấn giống cây trồng các loại.

Trong quá trình trưởng thành và phát triển công ty đã lập được nhiều thành tích xuất sắc, được nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: 9 huân chương lao động các loại, một huân chương chiến công, 10 bằng khen của chính phủ, 2 cờ thi đua của Chính phủ năm 2003 - 2006, ba lần được Bộ Nông Nghiệp & PTNT tặng cờ và bằng khen về thành tích xuất sắc phục vụ nông nghiệp, hai lần Bộ KH&CN tặng bằng khen, ba lần được tặng Giải thưởng Chất lượng Việt Nam, hai lần được Tổng liên đoàn Lao Động Việt Nam tặng bằng khen. V nhiều huy chương vàng, bạc tại Hội chợ triển lãm thành tựu kinh tế kỹ thuật Việt Nam, hội chợ Thương Mại Quốc Tế, giải thưởng Mai Vàng hội nhập năm 2003.

IV. CÁC XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC

1. XN giống cây trồng Thái Phương.
2. XN giống cây trồng Đông Cơ.
3. XN giống cây trồng Đông Cường.
4. XN giống cây trồng Quỳnh Hưng.
5. Nhà máy chế biến hạt giống Vũ Chính.



V. CHỨNG LOẠI SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

Công ty có cơ cấu chủng loại sản phẩm đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu sản xuất trên nhiều vùng, miền trong cả nước. Với sự đầu tư lớn cho lĩnh vực Nghiên cứu khảo nghiệm, chọn tạo năm 2006 Công ty đã chọn tạo thành công giống lúa thuần TBR-1. Đây là giống lúa cao sản (năng suất đạt từ 75 - 100 tạ/ha/vụ), thời gian sinh trưởng ngắn, thích ứng rộng có thể gieo trồng trên mọi chân đất, mọi thời vụ, cứng cây, chống đổ tốt, đặc biệt là khả năng chống rét ở vụ Xuân, chống bạc lá ở vụ Mùa. Giống TBR-1 đã được Bộ NN& PTNT công nhận chính thức ngày 08/01/2007, và đăng ký bảo hộ độc quyền sản phẩm mới tại Bộ NN & PTNT và Cục sở hữu trí tuệ. Công ty còn đề nghị Bộ NN & PTNT công nhận một số giống lúa lai có khả năng cho năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt, chất lượng gạo ngon, chịu thâm canh, thích ứng rộng là giống Quốc gia như giống Đu 527, CNR36. Hiện nay giống lúa lai CNR36 của Trường Đại Học Nông Nghiệp Tứ Xuyên - Trung Quốc đã ủy quyền cho Công ty độc quyền cung ứng.

Vụ Đông Xuân năm 2008 Công ty sẽ cho ra đời một số sản phẩm mới (SP đã đăng ký nhãn hiệu độc quyền) như giống lúa BC15; giống lúa TBR18; giống lạc TB25; giống Ngô chất lượng cao, thích ứng rộng, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

VI. CÔNG NGHỆ ÁP DỤNG VÀO KHÂU CHẾ BIẾN BẢO QUẢN GIỐNG

Công nghệ sản xuất của TSC đạt trình độ tiên tiến của Quốc gia và khu vực, toàn bộ sản phẩm của TSC đều được chế biến qua nhà máy chế biến hạt giống chất lượng cao. Đây là nhà máy chế biến hạt giống được coi là hiện đại nhất Việt Nam hiện nay, với dây chuyền hiện đại bao gồm hệ thống sấy, làm sạch, phân loại, xử lý, bảo quản và đóng gói hạt giống tự động. Công ty có hệ thống kho kỹ thuật và kho lạnh đảm bảo tiêu chuẩn công suất 4000 tấn.

Chính những tính năng vượt trội trên mà các chỉ tiêu chất lượng của TSC thường cao hơn quy định của nhà nước, sản phẩm của TSC được bà con nông dân trong và ngoài tỉnh tin nhiệm, vị thế của TSC ngày càng được nâng cao và vươn xa.

Công ty CP giống cây trồng Thái Bình



NHỮNG XU HƯỚNG SẼ LÀM THAY ĐỔI CỤC DIỆN KINH DOANH VÀ YÊU CẦU NGƯỜI GIÁM ĐỐC CÔNG TY TRONG TƯƠNG LAI

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế là xu thế tạo ra sự biến đổi to lớn trong nông nghiệp, bắt đầu từ những năm đầu của thế kỷ 21. Nhu cầu của người tiêu dùng thay đổi và các vấn đề cạnh tranh là hai xu hướng cơ bản (đặc biệt là sau khi gia nhập WTO từ 2007) sẽ làm thay đổi cục diện kinh doanh và yêu cầu người giám đốc.

Trong thế kỷ 21, vai trò nông nghiệp thể hiện ở sự bảo đảm an ninh lương thực thực phẩm, góp phần bảo đảm an ninh môi trường và an ninh năng lượng.

1. Những nhân tố vĩ mô: Sắp tới đồng thời với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn là đô thị hoá. Dự báo sẽ có từ 50% dân số nước ta sống ở đô thị. Như vậy nông nghiệp đô thị là một nhân tố mới thúc đẩy tiêu dùng nông sản chất lượng cao, giá trị cao, ứng dụng công nghệ cao, di chuyển và hình thành các trung tâm kinh tế mới... Người tiêu dùng có nhu cầu thay đổi như dùng ít lương thực, tăng rau, quả, sữa, thủy sản, đặc sản, dầu thực vật, nông sản sạch, nông sản hữu cơ, các loại lương thực thực phẩm bổ dưỡng chức năng... (gạo giàu Vitamin A, thực phẩm chữa bệnh, v.v...) kể cả trong nông thôn.

2. Những nhân tố môi trường, xã hội:

Trong tương lai công nghệ sinh học và công nghệ thông tin được áp dụng phổ biến trong sản xuất và quản lý sẽ tạo ra sự thay đổi to lớn trong ngành giống cây trồng, hiện đại hoá công nghệ truyền thống, rút ngắn quá trình chọn tạo giống mới, nhân nhanh giống, sản xuất giống công nghiệp... cũng như ứng dụng thuật toán, phần mềm giúp cho kỹ năng mới tạo ra lợi thế cạnh tranh (cạnh tranh địa phương, vùng, cả nước, khu vực, toàn cầu). Nhờ mạng viễn thông toàn cầu mà ta có thể biết cái gì, có ở đâu, giá bao nhiêu...

Việc chọn lựa, trọng dụng nhân tài giữa các doanh nghiệp sẽ diễn ra vì chất lượng nguồn nhân lực là nhân tố hàng đầu quyết định sự phát triển của công ty.

3. Những nhân tố sản xuất, kinh doanh:

Một là, sự thay đổi về quy định thị trường dẫn tới sự phân chia biên giới của các công ty trở nên mờ nhạt.

Hai là, sự xuất hiện thị trường cổ phiếu dẫn tới sự thay đổi về hình thức sở hữu và tạo nguồn vốn.

Ba là, cơ cấu sản xuất mới sẽ thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh của công ty, thay đổi chu kỳ kinh doanh...

Bốn là, hệ thống liên kết giữa nghiên cứu - sản xuất- sử dụng - quản lý... sẽ thay đổi theo hướng hiệu quả, trực tiếp, bền vững hơn.



Nhằm là, mô hình tổ chức công ty sẽ thay đổi. Trước là một công ty có chi nhánh ở các nơi, sắp tới là mô hình tổ chức theo luồng sản phẩm và dịch vụ, từ kiểm soát bằng quyền sở hữu sang kiểm soát bằng chiến lược; sự liên minh, liên doanh, thoả thuận về bí quyết sản xuất tạo nên nền tảng của sự liên hiệp mới.

Những xu hướng thay đổi trên đây dẫn tới yêu cầu mới cho giám đốc công ty. Để thành công, giám đốc cần có những tố chất cơ bản: yêu nghề, giỏi giao tiếp, biết phân tích, luôn tiếp thu cái mới, biết điều khiển cảm xúc, quản lý giỏi, có khả năng tiếp cận thông tin ở mọi nơi, biết ngoại ngữ, sử dụng tốt máy vi tính và các thiết bị kỹ thuật hiện đại khác...

Chất lượng hạt giống tuân theo qui luật hạt giống trên sàng. Những xu hướng mới sẽ tạo nên danh tiếng, thương hiệu độc lập.

Ts. Lê Hưng Quốc

